DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 991/QĐ-VPCNCL ngày 25 tháng 05 năm 2023 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng quan trắc và phân tích môi trường**

Laboratory: ***Environmental monitoring and analysis department***

Cơ quan chủ quản: **Công ty cổ phần quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương**

Organization: ***Thai Duong environment treatment and monitoring joint stock company***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: ***Chemical***

Người quản lý/ *Laboratory manager:* **Dương Văn Chức**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory* :

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Dương Văn Chức**	Các phép thử được công nhận/ *Accredited tests*
2.	**Đoàn Thị Hoa Uyên**	
3.	**Nguyễn Trung Tuấn**	
4.	**Vũ Thanh Thảo**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1498**

Hiệu lực công nhận/ *period of validation:* **Hiệu lực 3 năm kể từ ngày ký.**

Địa chỉ / *Address*: **Số 24 ngõ 18 Phan Văn Trị, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội**

Địa điểm / *Location*: **Số nhà 38 (tầng 4), phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội**

Điện thoại/ *Tel*: **0982563838** Fax:

E-mail: **thaiduong.etm@gmail.com** Website: **thaiduongetm.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of Testing: Chemical

TT	**Tên sản phẩm, vật liệu thử** *Materials or products tested*	**Tên phương pháp thử cụ thể** *The Name of specific tests*	**Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo** *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	**Phương pháp thử** *Test methods*
1.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định pH *Determination of pH*	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định tổng chất rắn hòa tan TDS *Determination of total dissolved solids*	(1 ~ 50) mg/L	TD/SOP/PTN-N05 (2023)
3.		Xác định độ đục *Determination of turbidity*	0,1 NTU	SMEWW 2130B:2017
4.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chị thị cromat (phương pháp Mohr) *Determination of Chloride content* *Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method)*	15 mg/L	TCVN 6194:1996
5.		Xác định hàm lượng tổng Canxi và magie Phương pháp chuẩn độ EDTA *Determination of the sum of calcium and magnesium* *EDTA titrimetric method*	6 mg/L	TCVN 6224:1996
6.		Xác định hàm lượng Sunphat Phương pháp trắc phổ *Determination of Sulfate content* *Spectrometric method*	6 mg/L	SMEWW 4500 SO_4^{2-}.E:2017
7.		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử *Determination of Nitrite content* *Molecular absorption spectrometric method*	0,01 mg/L	TCVN 6178:1996
8.		Xác định hàm lượng Nitrat Phương pháp trắc phổ *Determination of nitrat content* *Spectrometric method*	0,1 mg/L	SMEWW 4500 NO_3^-.E:2017

TT	**Tên sản phẩm, vật liệu thử** *Materials or products tested*	**Tên phương pháp thử cụ thể** *The Name of specific tests*	**Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo** *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	**Phương pháp thử** *Test methods*
9.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay *Determination of Ammonium content* *Manual spectrometric method*	0,03 mg/L	TCVN 6179-1:1996
10.		Xác định hàm lượng Clo tự do Phương pháp so màu sử dụng N,N-dietyl-1,4-phenylendiamin *Determination of free chlorine content* *Colorimetric method using N,N-dietyl-1,4-phenylenediamine*	0,1 mg/L	TCVN 6225-2:2021
11.		Xác định hàm lượng Cu Phương pháp F-AAS *Determination of Cu content* *F-AAS method*	0,06 mg/L	SMEWW 3111B:2017
12.		Xác định hàm lượng Zn Phương pháp F-AAS *Determination of Zn content* *F-AAS method*	0,03 mg/L	SMEWW 3111B:2017
13.		Xác định hàm lượng Mn Phương pháp F-AAS *Determination of Mn content* *F-AAS method*	0,06 mg/L	SMEWW 3111B:2017
14.		Xác định hàm lượng Fe Phương pháp F-AAS *Determination of Fe content* *F-AAS method*	0,12 mg/L	SMEWW 3111B:2017

TT	**Tên sản phẩm, vật liệu thử** *Materials or products tested*	**Tên phương pháp thử cụ thể** *The Name of specific tests*	**Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo** *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	**Phương pháp thử** *Test methods*
15.		Xác định hàm lượng Cd Phương pháp GF-AAS *Determination of Cd content* *GF-AAS method*	0,3 µg/L	SMEWW 3113B:2017
16.		Xác định hàm lượng Cr tổng số Phương pháp GF-AAS *Determination of total Cr content* *GF-AAS method*	1,5 µg/L	SMEWW 3113B:2017

Ghi chú/*Note*:

TD/SOP/PTN-N05: Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater